

TRƯỜNG THPT TIÊN LÃNG
NHÓM ĐỊA LÝ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1- MÔN ĐỊA LÝ 10
NĂM HỌC 2024-2025, THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ (%)
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	A. Sử dụng bản đồ	A1. Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. A2. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống. Một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.	1												1TN			2,5
2	B. Trái Đất	B.1. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. B2. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.	1												1TN			2,5
3	C. Thạch quyển	C1. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng. C2. Nội lực và ngoại lực.	2												2TN			5,0
4	D. Khí quyển	D. Khí quyển, các yếu tố khí hậu.	1	1	1	3		1		1	1		1		4TN	2TN; 1TL	3TN	32,5
5	E. Thủy quyển	E1. Thủy quyển, nước trên lục địa. E.2. Nước biển và đại dương.	1	1	1					1	1			1	1TN	2TN	2TN; 1TL	22,5
6	F. Sinh quyển	F1. Đất trên Trái Đất. F2. Sinh quyển.	1	1	1	2	1	1							3TN	2TN	2TN	17,5

7	G. Một số quy luật của vỏ địa lí	G1. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí. G2. Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới.	1	1	1	3	1								4TN	2TN	1TN	17,5
Tổng số câu/lệnh hỏi			8	4	4	8	2	2		2	2		1	1	16TN	8TN; 1TL	8TN; 1TL	32TN; 2TL
Tổng số điểm			2,0	1,0	1,0	2,0	0,5	0,5		0,5	0,5		1,0	1,0	4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			40			30			10			20			40	30	30	100

*** Ghi chú:**

- TN: Trắc nghiệm
- TL: Tự luận

*** Mức độ:**

- Nhận biết: 16 câu (lệnh hỏi) = 4,0 điểm;
- Thông hiểu: 08 câu (lệnh hỏi) TN + 01 câu TL = 3,0 điểm;
- Vận dụng: 08 câu (lệnh hỏi) TN + 01 câu TL = 3,0 điểm.

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1, NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt/Mức độ	Số lượng câu/lệnh hỏi			
				Trắc nghiệm			Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng - sai	Trả lời ngắn	
1	A. Sử dụng bản đồ	A1. Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. A2. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống. Một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.	* Nhận biết - Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ - biểu đồ. (NL2)	1			
2	B. Trái Đất	B.1. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. B2. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.	* Nhận biết - Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. (NL1) - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng. (NL1)	1			
3	C. Thạch quyển	C1. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng. C2. Nội lực và ngoại lực.	* Nhận biết - Trình bày được khái niệm thạch quyển; phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. (NL1) - Trình bày khái niệm nội lực, ngoại lực; nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. (NL1)	2			
4	D. Khí quyển	D.Khí quyển, các yếu tố khí hậu.	* Nhận biết - Nêu được khái niệm khí quyển. (NL1) - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. (NL1) - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương. (NL1) - Trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. (NL1)	1	3		

			- Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. (NL2)				
			* Thông hiểu - Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp. (NL1) - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên thế giới. (NL1)	1		1	1
			* Vận dụng - Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa). (NL2) - Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. (NL2) - Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế. (NL3)	1	1	1	
5	E. Thủy quyển	E1. Thủy quyển, nước trên lục địa. E2. Nước biển và đại dương.	* Nhận biết - Nêu được khái niệm thủy quyển. (NL1) - Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. (NL1) - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. (NL1)	1			
			* Thông hiểu - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông. (NL1) - Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành. (NL1) - Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. (NL1) - Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều. (NL1) - Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương. (NL1)	1		1	
			* Vận dụng - Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể. (NL3) - Vẽ được sơ đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về thủy quyển. (NL2) - Phân tích, đánh giá được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội. (NL3)	1		1	1

6	F. Sinh quyển	F1. Đất trên Trái Đất. F2. Sinh quyển.	* Nhận biết - Trình bày được khái niệm về đất. (NL1) - Trình bày được khái niệm sinh quyển. (NL1)	1	2		
			* Thông hiểu - Phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất. (NL1) - Trình bày được các nhân tố hình thành đất. (NL1) - Phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. (NL1)	1	1		
			* Vận dụng - Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới. (NL2) - Liên hệ được thực tế ở địa phương về các nhân tố hình thành đất. (NL3) - Liên hệ được thực tế về đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật ở địa phương. (NL3)	1	1		
7	G. Một số quy luật của vỏ địa lí	G1. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí. G2. Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới.	* Nhận biết - Trình bày được khái niệm vỏ địa lí (NL1) - Trình bày được khái niệm của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí. (NL1) - Trình bày được khái niệm của quy luật địa đới và phi địa đới. (NL1)	1	3		
			* Thông hiểu - Phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất. (NL1) - Trình bày được những biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí. (NL1) - Trình bày được những biểu hiện của quy luật địa đới và phi địa đới. (NL1) - Trình bày được ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí. (NL3) - Trình bày được ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và phi địa đới. (NL3)	1	1		

			* Vận dụng - Liên hệ được thực tế ở địa phương về quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí; quy luật địa đới và phi địa đới. (NL3) - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí. (NL3)	1			
Tổng số câu/lệnh hỏi				16	12	4	2
Tổng số điểm				4,0	3,0	1,0	2,0
Tỉ lệ %				40	30	10	20

*** Mức độ:**

- Nhận biết: 16 câu (lệnh hỏi) = 4,0 điểm;
- Thông hiểu: 08 câu (lệnh hỏi) TN + 01 câu TL = 3,0 điểm;
- Vận dụng: 08 câu (lệnh hỏi) TN + 01 câu TL = 3,0 điểm.

*** Năng lực:**

- NL1: Năng lực Nhận thức khoa học Địa lí;
- NL2: Năng lực Tìm hiểu Địa lí;
- NL3: Năng lực Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Tiên Lãng, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Nhóm Địa lý



Lê Thị Hồng Hoan